TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST Ngày 05 tháng 9 năm 2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đô

2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị D, sinh năm 1993. Cư trú: Thôn NT, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Thôn Thanh Trà, xã Lệ Viễn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992. Cư trú: Thôn NT, xã xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Vi Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C ngày

10/5/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau và do kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Sau khi ly thân thì chị chuyển ra ngoài ở. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn C vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau.

Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/12/2013; Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/3/2015 và Nguyễn Thị NQ, sinh ngày 12/4/2017. Cả 03 con chung đều ở với anh Cách từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị NQ, chị không yêu cầu anh Cách cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Cách không đồng ý cho chị nuôi dưỡng con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo yêu cầu anh Cách.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt chị. Các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho chị theo địa chỉ của mẹ đẻ chị: Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Thanh Trà, xã Lệ Viễn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh và chị D kết hôn ngày 10/5/2013. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, cãi nhau, không thống nhất được các quan điểm làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Chị D bỏ ra ở riêng từ ngày 15/8/2020 đến nay. Từ khi chị D bỏ đi, anh có gọi và đón chị D về nhưng chị D không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ ngày 15/8/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/12/2013; Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/3/2015 và Nguyễn Thị NQ, sinh ngày 12/4/2017. Hiện cả ba con chung đang ở cùng với anh. Vợ chồng ly hôn anh yêu

cầu được nuôi cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung là tùy ở chị D, anh không yêu cầu tòa án xem xétgiải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39,Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Dđược ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2, Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/12/2013, Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/3/2015, Nguyễn Thị NQ, sinh ngày 12/4/2017 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng.

3, Về án phí: Chị Vi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4, Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vi Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Vi Thị D và bị đơn là anh Nguyễn Văn C đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với chị D và anh Cách.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị D và anh Nguyễn Văn C kết hôn ngày 10/5/2013. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị D và anh Cách thì xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Chị D yêu cầu ly hôn, anh Cách đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Chị D và anh Cách đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Vi Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/12/2013; Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/3/2015 và Nguyễn Thị NQ, sinh ngày 12/4/2017. Hiện con chung đang ở cùng anh Cách. Vợ chồng ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị NQ, tuy nhiên nếu anh Cách không đồng ý cho chị nuôi dưỡng con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo yêu cầu anh Cách. Còn anh Cách yêu cầu nuôi dưỡng cả ba con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Hai cháu Nguyễn Đức D và Nguyễn Thanh Th có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung là các cháu Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Thị NQ đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2, Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/12/2013; Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/3/2015 và Nguyễn Thị NQ, sinh ngày 12/4/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Vi Thị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

3, Về án phí: Chị Vi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002705 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chi Duyên đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền

Đã ký